

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**

**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

**Mã hồ sơ: .....**



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: )

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Khoa học Giáo dục; Chuyên ngành: Lí luận và dạy học Bộ môn Toán

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: Lê Thị Tuyết Trinh

2. Ngày tháng năm sinh: 12/12/1982; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: Phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 944, đường Phạm Hữu Lầu, phường 6, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): số 944, đường Phạm Hữu Lầu, phường 6, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

Điện thoại di động: 0888556869. E-mail: letrinh1282@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 07 năm 2005 đến tháng 04 năm 2010: chuyên viên của khoa Toán học, Trường Đại học Đồng Tháp.

Từ tháng 05 năm 2010 đến nay: giảng viên của khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non, Trường Đại học Đồng Tháp.

Chức vụ hiện nay: Phó Trưởng Bộ môn; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Bộ môn.

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Đồng Tháp.

Địa chỉ cơ quan: 783, đường Phạm Hữu Lầu, phường 6, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp

8. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 12 tháng 07 năm 2005; số văn bằng: C688714; ngành: Sư phạm Toán học, chuyên ngành: Sư phạm Toán học; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường đại học Sư phạm Huế, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 18 tháng 05 năm 2011; số văn bằng: A008812; ngành: Khoa học Giáo dục; chuyên ngành: Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Vinh, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 08 tháng 03 năm 2018; số văn bằng: 007649; ngành: Khoa học Giáo dục; chuyên ngành: Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học sư phạm Hà Nội, Việt Nam.

9. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HDGS cơ sở: Trường Đại học Cần Thơ.

10. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HDGS ngành, liên ngành: Giáo dục học.

11. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Thứ nhất, dạy học phát triển năng lực toán học cho học sinh phổ thông.
- Thứ hai, đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học.
- Thứ ba, thúc đẩy phát triển chuyên môn cho sinh viên, học viên cao học và giáo viên toán ở trường phổ thông.

12. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 02 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS.
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên với số lượng: 01 đề tài cấp cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 30 bài báo khoa học, trong đó 09 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Số lượng sách đã xuất bản: 03, thuộc Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội;

14. Khen thưởng (danh hiệu): Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm 2021.

## **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

### 1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo

Trong 15 năm qua, tôi đã tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học và hoàn thành tốt các nhiệm vụ tại Khoa Toán học và Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non, thuộc trường Đại học Đồng Tháp:

- Chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; có ý thức tổ chức kỷ luật, đạo đức lối sống tốt.

- Tận tụy trong công việc, yêu nghề, có tâm huyết với nghề, có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp trong công tác.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82 /HDGSNN ngày 18 /5/2022 của Chủ tịch HDGS nhà nước

- Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, hoàn thành chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ đúng tiến độ; tự học nâng cao trình độ ngoại ngữ.

- Đảm bảo đủ giờ chuẩn về giảng dạy; không ngừng tự học để phát triển năng lực nghề nghiệp của bản thân và các hoạt động giảng dạy cho sinh viên đại học, học viên cao học.

- Đã xuất bản 23 bài báo khoa học có uy tín trong và ngoài nước; đã xuất bản 7 báo cáo khoa học trên kỷ yếu hội thảo quốc gia và quốc tế; đã xuất bản 02 giáo trình và 01 sách tài liệu tham khảo góp phần bổ sung nguồn học liệu phục vụ đào tạo giáo viên tại trường Đại học Đồng Tháp; Luôn động viên, khuyến khích và hợp tác các đồng nghiệp cũng như học viên cao học có tinh thần nghiên cứu khoa học và điều đó được thể qua việc xuất bản các bài báo khoa học.

- Là chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao năng lực chuyên môn cho bản thân.

- Là thành viên tổ điều chỉnh, phát triển chương trình đào tạo đại học ngành Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non và chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Giáo dục tiểu học;

- Là thành viên tổ tự đánh giá thực hiện kiểm định chất lượng chương trình đào tạo thành công đối với chương trình đại học ngành Giáo dục Tiểu học năm 2018.

- Tham gia hướng dẫn sinh viên kiến tập, thực tập sư phạm và dự giờ giảng dạy môn Toán ở các trường phổ thông tại Đồng Tháp nhằm phát triển nghiệp vụ sư phạm, đồng thời chia sẻ, trao đổi chuyên môn cùng giáo viên tại các cơ sở trường phổ thông.

- Tham gia viết tài liệu và bồi dưỡng cho giáo viên ở đồng bằng sông Cửu Long về Chương trình Giáo dục phổ thông mới.

- Là thành viên tham gia Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Toán ứng dụng của Trường Đại học Sài Gòn.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 15 năm

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2016-2017					315		315/ 346,5/ 229,5
2	2017-2018					420		420/ 462/ 229,5
3	2018-2019					360		360/ 396/ 216

Ban hành kèm theo Công văn số: 82 /HDGSNN ngày 18 /5/2022 của Chủ tịch HDGS nhà nước

03 năm học cuối

4	2019-2020					330		330/ 363/ 216
5	2020-2021			2 ThS		360		360/ 396/ 229,5
6	2021-2022					390		390/ 429/ 229,5

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Trình độ B2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc, QĐ số 3768/QĐ-ĐHTN ngày 31/8/2016. Số hiệu: 019789. Đại học Thái Nguyên.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Thùy Trang		HVCH	x		2020-2021	Trường ĐH Cần Thơ	31/12/2021 (số hiệu: 0006302; Số vào sổ: 00265/2021/ThS.CTU)
2	Lê Cao Bá Triết		HVCH	x		2020-2021	Trường ĐH Đồng Tháp	27/12/2021 (số hiệu: F00342; Số vào sổ: GDTH-K2019-2021.010)

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82 /HDGSNN ngày 18 /5/2022 của Chủ tịch HDGS nhà nước

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
<b>II Sau khi được công nhận TS</b>							
1	Lí luận dạy học Toán tiểu học	GT	NXB ĐHQG Hà Nội - 2020	6	Chủ biên	5-18; 36-79; 94-118	Số 820/QĐ-ĐHĐT ngày 17/6/2020, Quyết định Công nhận kết quả biên soạn và cho phép phát hành giáo trình.
2	Công bố khoa học giáo dục theo hướng tiếp cận quốc tế	TK	NXB GD Việt Nam - 2020	17	Tham gia	227-250; 251-278; 303-322	Số 1456/QĐ-ĐHĐT ngày 14/8/2020, Quyết định về việc sử dụng tài liệu phục vụ đào tạo tại trường Đại học Đồng Tháp.
3	Phát triển năng lực dạy học toán tiểu học	GT	NXB ĐHQG Hà Nội - 2021	6	Tham gia	94-118	Số 613/QĐ-ĐHĐT ngày 23/3/2021, Quyết định Công nhận kết quả biên soạn và cho phép phát hành giáo trình.

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [1], GT Lí luận dạy học Toán tiểu học.

**Lưu ý:**

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
<b>I Trước khi được công nhận TS</b>					
1	ĐT: Hình thành năng lực kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Toán của học sinh cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học theo định hướng tiếp cận năng lực	CN	CS2015.01.20, Trường Đại học Đồng Tháp	Tháng 7 năm 2015 đến tháng 6 năm 2016	Số 263/QĐ-ĐHĐT ngày 30/12/2016, Quyết định về việc công nhận kết quả thực hiện đề tài khoa học và công nghệ cấp Cơ sở năm 2015-2016/ Xếp loại: Đạt

Ban hành kèm theo Công văn số: 82 /HDGSNN ngày 18 /5/2022 của Chủ tịch HDGS nhà nước  
 - Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm;  
 TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	<b>Trước khi được công nhận TS</b>							
1	Hình thành các khái niệm về điếm, đường thẳng, đường gấp khúc cho học sinh tiểu học	2	X	Tạp chí Giáo dục/ISSN 2354-0753			Số đặc biệt, 121-122	10/2012
2	Mối liên hệ giữa nội dung các học phần toán trong chương trình đào tạo sinh viên ngành sư phạm tiểu học với nội dung số học ở tiểu học	2		Tạp chí Giáo dục/ISSN 2354-0753			Số đặc biệt, 109-110	10/2012
3	Kỹ thuật phân tích câu hỏi và đề thi trắc nghiệm khách quan trong đánh giá kết quả học tập của học sinh	2	X	Tạp chí Giáo dục/ISSN 2354-0753			Số đặc biệt, 81-82	11/2012
4	Tiếp cận chuẩn phương pháp dạy học môn toán cho sinh viên ngành giáo dục tiểu học ở trường đại học	1	X	Tạp chí Giáo dục/ISSN 2354-0753			Số đặc biệt, 43-44	12/2012
5	Chuyển hóa tri thức toán học vào chương trình môn toán ở tiểu học	2		Tạp chí Thiết bị Giáo dục/ISSN1859-0801			Số 90, 5-7	02/2013
6	Rèn luyện kỹ năng dạy học toán cho sinh viên ngành giáo dục tiểu học thông qua trường thực hành theo hướng tiếp cận năng lực thực hiện	1	X	Tạp chí Giáo dục/ISSN 2354-0753			Số 305, kì 1, 51-52	03/2013
7	Một số hoạt động hình thành năng lực đánh giá kết quả học tập môn Toán của học sinh cho sinh viên ngành giáo dục tiểu học	1	X	Tạp chí Giáo dục/ISSN 2354-0753			Số 323, kì 1, 39-40	12/2013
8	Góp phần bồi dưỡng năng lực đánh giá cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học thông qua hoạt động đánh giá sinh viên	1	X	Tạp chí Khoa học Giáo dục/ISSN 0868-3662			Số đặc biệt, 24-25, 57	04/2015

9	Bồi dưỡng năng lực đánh giá kết quả học tập môn Toán của học sinh cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học	1	X	Tạp chí Khoa học Giáo dục/ ISSN 0868-3662		Số đặc biệt, 49-52	04/ 2015
10	Bồi dưỡng năng lực đánh giá quá trình học tập môn Toán của học sinh cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học thông qua hoạt động quan sát hành vi	1	X	Tạp chí Khoa học Giáo dục/ ISSN 0868-3662		Số đặc biệt, 72-75	01/ 2016
11	Rèn luyện các kỹ năng đánh giá quá trình trong dạy học môn Toán ở Tiểu học cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học	1	X	Tạp chí Giáo dục/ ISSN 2354-0753		Số 389, kì 1, 35-38	09/ 2016
12	Phát triển năng lực đánh giá kết quả học tập môn Toán của học sinh cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học theo hướng tiếp cận năng lực	1	X	Tạp chí Thiết bị Giáo dục/ ISSN1859-0801		Số 137, 5-9	01/ 2017
13	Tri thức phương pháp trong dạy học Toán cho học sinh phổ thông	3	X	Hội thảo khoa học quốc gia: "Nghiên cứu giáo dục toán học theo hướng phát triển năng lực người học giai đoạn 2014-2020", Đại học Hải Phòng, 02.01.94/94-DH2014		Đăng kí KHXB số: 726-2014/CX B/94-45/DHSP ngày 17/4/2014, trang 156-163	04/2014
14	Rèn luyện cho sinh viên ngành sư phạm Toán ở trường Đại học Đồng Tháp một số kỹ năng cần thiết góp phần nâng cao năng lực nghề nghiệp	2		Hội thảo khoa học Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên Toán phổ thông Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm/ ISBN 978-604-54-2548-0		335-341	2015
15	Bồi dưỡng năng lực dạy học Toán cho sinh viên ngành giáo dục tiểu học thông qua trường thực hành theo hướng tiếp cận năng lực thực hiện.	1	X	Hội thảo quốc gia về Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực giáo dục tiểu học, Bộ Giáo dục và Đào		237-242	2015

				ạo, Hà Nội/ ISBN 978-604- 86-5727-7				
16	Nâng cao năng lực cho giảng viên về việc kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực người học ở trường đại học Đồng Tháp	1	X	Hội thảo khoa học quốc gia về Bồi dưỡng năng lực cho giảng viên các trường sư phạm, Trường DHSP – Đại học Đà Nẵng, NXB Thông tin và truyền thông Đà Nẵng, KHXB số: 313-2015/CXB/06-08/ĐaN ngày 20/8/2015			432-441	2015
17	Phát triển kỹ năng quan sát đánh giá hành vi của học sinh cho giáo viên Tiểu học thông qua môn Toán	2		Hội thảo khoa học quốc tế: Phát triển đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông, Trường DHSP Hà Nội, NXB Đại học Sư phạm/ ISBN 978-604-54-2548-0.			614-621	12/2016
<b>II Sau khi được công nhận TS</b>								
18	Some obstacles in mathematical communication of students while learning continous functions lesson	2		Arawan Printing, 28/10 Singharat Rd. Sri Phoom Sub District, Mueang Chiang Mai, 50200/ ISBN: 978-616-470-007-9			389-402	2018
19	Xây dựng bài tập rèn luyện khả năng suy luận logic qua dạy học số học cho học sinh lớp 4	2	X	Tạp chí Thiết bị Giáo dục/ ISSN1859-0801			Số 192, 7-9	05/2019
20	Mobile learning for highschool mathematics as a path to better sustainability in a fast changing society: An exploratory study from Vietnam	6		Problems and Perspectives in Management/ 1727-7051	Scopus, Q3		Volume 17 2019, Issue #2, pp. 392-403	06/2019
21	Slow learners in mathematics classes: the experience of	4		Education 3-13/ 0300-4279	Scopus, Q3		Volume 48, 2020	06/2019



	Vietnamese primary education						- Issue 5, Pages 580-596	
22	Developing competence of teaching multi-modal texts for general education teachers to meet the requirements of education 4.0	6		Hội thảo khoa học quốc tế "ICTER 2020 với chủ đề "Năng lực giáo viên cho giáo dục 4.0"", NXB Đại học Thái Nguyên/ ISBN: 978-604-9984-82-2.			26-46	2020
23	Factors affecting academic performance of first – year university students: a case of a Vietnamese university.	7		International Journal of Education and Practice/ ISSN(p): 2311-6897	Scopus, Q3		2020 Vol. 8, No. 2, pp. 221-232	2020
24	A study on factors affecting school principals' competencies in Vietnam's mountainous provinces	4		Management in Education/ ISSN: 0892-0206	Scopus, Q1		First Published April 8, 2020	04/2020
25	Managing Continuing Education via Distance Learning and Face-to-Face Courses for Human Resource Development in the Mekong Delta of Vietnam	9		International Journal of Learning, Teaching and Educational Research/ p-ISSN: 1694-2493	Scopus, Q4		Vol. 19, No. 10, pp. 150-171	10/2020
26	The capacity of formative assessment in teaching mathematics in primary schools by students: Analytical results from 11 universities in Vietnam	4	x	Ilkogretim Online - Elementary Education Online/ ISSN: 1305-3515	Scopus (2013 đến 2021)		20 (1): pp. 418-434	01/2021
27	Preparing Pre-Service Teachers for Mathematics Teaching at Primary Schools in Vietnam	6	x	EURASIA Journal of Mathematics, Science and Technology Education/ ISSN:1305 - 8223	Scopus, Q2		Volume 17 Issue 5, Article No: em1966	04/2021
28	Analysis of Students' Ability to Accept M-Learning Technology: An Exploratory Study from High Schools in Vietnam	5	x	International Journal of Interactive Mobile Technologies	Scopus, Q3		Vol 15, No 12, pp. 86–103.	06/2021

Ban hành kèm theo Công văn số: 82 /HDGSNN ngày 18 /5/2022 của Chủ tịch HDGS nhà nước

				(iJIM)/ eISSN: 1865-7923			
29	Two Decades of STEM Education Research in Middle School: A Bibliometrics Analysis in Scopus Database (2000-2020)	6	x	Education Sciences, Educ. Sci/ ISSN: 2227-7102.	Scopus, Q2	11(7), 353	14/07/2021
30	Phát triển năng lực giao tiếp toán học cho học sinh lớp 8 thông qua dạy học chương Tứ giác	2		Tạp chí Thiết bị Giáo dục/ ISSN1859-0801		Số đặc biệt, 464-466	07/2021

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: **9 bài, số thứ tự bài báo là: 20, 21, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29.**

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo ngành Giáo dục tiểu học; Chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non;	Tham gia	Số 50/QĐ-GD, ngày 28/3/2019, Quyết định về việc thành lập Ban cập nhật, điều chỉnh Chương trình đào tạo của các ngành Giáo dục tiểu học và Giáo dục mầm non.	Trường Đại học Đồng Tháp		
2	Hội đồng tự đánh giá, kiểm định chất lượng Chương trình đào tạo ngành Giáo dục tiểu học	Tham gia	Số 328/QĐ-DHDT ngày 16/4/2018, Quyết định về việc thành lập Hội đồng Tự đánh giá.	Trường Đại học Đồng Tháp		
3	Hội đồng tự đánh giá, kiểm định chất lượng Chương trình đào tạo Giáo dục mầm non.	Tham gia	Số 306/QĐ-DHDT ngày 04/03/2022, Quyết định về việc thành lập Hội đồng Tự đánh giá chương trình đào tạo Giáo dục mầm non	Trường Đại học Đồng Tháp		

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:  
Nghiên cứu khoa học:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

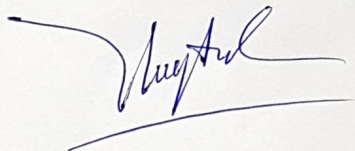
Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: Bài báo quốc tế đăng trên tạp chí uy tín thuộc scopus, có số thứ tự [25].

Ban hành kèm theo Công văn số: 82 /HDGSNN ngày 18 /5/2022 của Chủ tịch HDGS nhà nước  
**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN  
CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Đồng Tháp, ngày 28 tháng 6 năm 2022*

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**



Lê Thị Tuyết Trinh